

Bản án số: 32/2024/HSST

Ngày 08 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Ánh Dương

* **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đào Xuân Thịnh.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy Khơi.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hải Đăng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng.

- **Đại diện VKSND huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa:** Ông Lương Văn T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2024/HSST ngày 08 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/HSST- QĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Đỗ Văn D, sinh năm 1997; tên gọi khác: không.

- Nơi cư trú: thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 12/12;

- Họ và tên bố: Đỗ Văn C, sinh năm 1975

- Họ và tên mẹ: Trần Thị T1, sinh năm 1977;

- Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất.

- Vợ, con: Chưa có;

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2023 đến ngày 31/01/2024 được áp dụng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại :**

- Công ty TNHH N1.

Trụ sở: Khu Công nghiệp S, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Hoàng Thị N**, sinh năm 1982 - Trưởng phòng nhân sự (Có mặt)

Địa chỉ: **Thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.**

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Chị **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Trú tại: **thôn T, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội.**

- Ông **Đỗ Văn C**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Trú tại: **thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.**

- Anh **Vũ Văn M**, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Trú tại: **Thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.**

*** Người làm chứng:**

- Anh **Lương Đình S**, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Trú tại: **Thôn Q, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.**

- Anh **Nguyễn Hữu X**, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Trú tại: **Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.**

- Anh **Đào Văn V**, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Trú tại: **Thôn S, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn D, sinh năm 1997, trú tại **thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang** là công nhân của **Công ty TNHH N1**, thuộc địa phận **xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**. Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên **D** nảy sinh ý định trộm cắp linh kiện điện tử trong **công ty M1** đi bán lấy tiền. Trong thời gian từ ngày 09/10/2023 đến ngày 30/10/2023, **D** đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là các linh kiện điện tử của công ty mang ra ngoài bán, cụ thể:

*** Vụ thứ nhất:**

Khoảng 06 giờ ngày 09/10/2023, **Đỗ Văn D** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B3-256.99 đến **công ty M2** để trộm cắp tài sản khi công ty đang vắng người. Khi đến nơi, **D** thay đồ vào xưởng sản xuất rồi đi đến nhà kho của công ty. Tại đây, **D** quan sát thấy cửa nhà kho không khoá nên đã mở cửa đi vào, đến vị trí giá để linh kiện điện tử, **D** trộm cắp 02 cuộn linh kiện điện tử mã VIC0116-1210010 số lượng 4.000 linh kiện/1 cuộn và 01 cuộn linh kiện điện tử mã VIC0087-1210010 số lượng 4.000 linh kiện/1 cuộn, **D** xé túi đựng, tháo vỏ nhựa lấy cuộn linh kiện đút vào túi áo rồi ra xưởng làm việc bình thường. Trong giờ nghỉ, **D** đem 03 cuộn linh kiện trên mang ra ngoài cất tại tủ đồ cá nhân rồi tiếp tục quay lại làm việc. Tan ca, **D** đem 03 cuộn linh kiện đi đến khu vực ngã tư **cầu vượt Đ**, địa phận **huyện V, tỉnh Bắc Giang**, gặp một người đàn ông không quen biết, bán cho người này 03 cuộn linh kiện điện tử được số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền này **D** đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 82 ngày 15/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, kết luận:

+ 02 cuộn linh kiện RF SWITCH mã VICO116-1210010 với số lượng 4.000 linh kiện/1 cuộn và 01 cuộn linh kiện RF SWITCH mã VICO0087-1210010 với số lượng 4.000 linh kiện/1 cuộn có tổng giá trị là 75.538.044 đ (BL 71).

* Vụ thứ hai:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 30/10/2023, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B3-256.99 đến công ty để thực hiện hành vi trộm cắp linh kiện điện tử. D thay đồ để đi vào xưởng, rồi tiếp tục đi đến nhà kho của công ty. Lúc này, thấy cửa nhà kho không khoá, xung quanh không có ai, D mở cửa đi vào đến vị trí giá để linh kiện điện tử, trộm cắp 02 cuộn linh kiện điện tử mã VIC0145-1210010, số lượng 10.000 linh kiện/1 cuộn, D xé túi đựng, tháo vỏ nhựa lấy 02 cuộn linh kiện gói vào 02 tờ giấy khác nhau rồi đi ra phòng thay đồ, cất 02 cuộn linh kiện vào túi quần rồi rời khỏi công ty. D điều khiển xe mô tô đi đến khu vực ngã tư cầu vượt D, địa phận huyện V, tỉnh Bắc Giang, gặp một người phụ nữ không quen biết, bán cho người này 02 cuộn linh kiện được số tiền 30.000.000đ. Do sợ bản thân bị phát hiện nên D nhờ người phụ nữ này chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Vũ Văn M, sinh năm 1997, trú tại thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang là bạn của D số tiền trên, sau đó, D nhờ M tiếp tục chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của bản thân. Toàn bộ số tiền trên D đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 02/11/2023, chị Hoàng Thị N, sinh năm 1982, trú tại thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang là người đại diện theo ủy quyền của công ty TNHH N1 đã làm đơn trình báo (BL 113).

Ngày 04/11/2023, nhận thức được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật, Đỗ Văn D đã đến cơ quan Công an đầu thú (BL 121).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 72 ngày 10/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Y, kết luận:

+ 02 cuộn linh kiện điện tử RF SWITCH mã VICO145-1210010 số lượng 10.000 linh kiện/ cuộn trị giá 63.134.140 đ (BL 66);

Trong vụ án này, đối với người đàn ông mua linh kiện của D ngày 09/10/2023, D khai không biết tên tuổi địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với người phụ nữ đã mua linh kiện của D ngày 30/10/2023, Cơ quan điều tra xác định người chuyển tiền vào tài khoản của Vũ Văn M là chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1992, trú tại thôn T, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội. Chị T2 khai chị được một người phụ nữ không quen biết đưa cho tiền mặt và nhờ chuyển số tiền 30.000.000đ vào tài khoản của Vũ Văn M vào ngày 30/10/2023, chị T2 không quen biết người phụ nữ này; kết quả nhận dạng, D khẳng định chị T2 không phải người đã mua linh kiện của D vào ngày 30/10/2023, do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý người phụ nữ đã mua linh kiện của D.

Ngày 13/11/2023, ông **Đỗ Văn C**, sinh năm 1975, trú tại **thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang** là bố đẻ của **D** đã bồi thường cho **công ty TNHH N1** số tiền 134.746.000đ, đại diện công ty đã nhận đủ và không có yêu cầu gì về dân sự (BL 167).

Đối với chiếc xe mô tô biển số 98B3-256.99, sau khi thực hiện hành vi phạm tội **D** khai đã bán chiếc xe trên cho người không quen biết nên cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Cáo trạng số: 28/CT-VKS, ngày 29/2/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng truy tố: **Đỗ Văn Dũng** về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điểm c khoản 2 khoản 5 Điều 173, điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đỗ Văn D** từ 18 tháng đến 22 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2023 đến ngày 31/01/2024. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo **Đỗ Văn D** 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

* Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét giải quyết.

* Áp dụng điểm a điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Buộc bị cáo **Đỗ Văn D** nộp lại số tiền 45.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo **D** nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải. Đề nghị xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện Y**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện Y**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Bị cáo **Đỗ Văn D** là công nhân làm việc tại **công ty TNHH N1**, thuộc địa phận **xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang**, lợi dụng thời điểm giao ca, không có người trông coi, **D** đã 2 lần thực hiện hành vi trộm cắp linh kiện điện

tử của công ty, cụ thể: Ngày 09/10/2023, **D** trộm cắp 03 cuộn linh kiện điện tử trị giá 75.538.044 đồng. Ngày 30/10/2023 **D** trộm cắp 02 cuộn linh kiện điện tử trị giá 63.134.140 đồng. Tổng giá trị tài sản **D** trộm cắp mà có là 134.746.000 đồng. Sau khi trộm cắp **D** đem tài sản bán cho người không quen biết ở ngã tư **cầu vượt Đ**, địa phận **huyện V, tỉnh Bắc Giang** được tổng số tiền 80.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết.

Lời khai nhận tội của bị cáo **Đỗ Văn D** phù hợp với: Bản tường trình, Bản tự khai và lời khai của bị cáo, phù hợp với đơn trình báo và lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tài sản mà bị cáo **D** 02 lần trộm cắp, theo các Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện Y** kết luận có tổng giá trị tài sản trộm cắp là 134.746.000 đồng. Như vậy, hành vi trên của bị cáo **Đỗ Văn D** đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự để giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Cần xử phạt tù với thời hạn nhất định đối với bị cáo để bị cáo biết tuân thủ pháp luật và có điều kiện tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 173 của BLHS đối với bị cáo **Đỗ Văn D** để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Xét nhân thân: Bị cáo **Đỗ Văn D** chưa có tiền án, tiền sự, là người có nhân thân tốt.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bị cáo **Đỗ Văn D** 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 01 Điều 52 BLHS.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bị cáo **Đỗ Văn D** tác động đến bố là ông **Đỗ Văn C** bồi thường thiệt hại cho bị hại. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đầu thú. Bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo. Nên bị cáo **Đỗ Văn D** được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi xem xét hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo

Đỗ Văn D có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS và phía bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên thấy áp dụng khoản 01 Điều 54 BLHS đối với bị cáo **Đỗ Văn D** để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khoản 2 Điều 173 BLHS như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do được bị cáo **Đỗ Văn D** tác động nên ngày 13/11/2023, ông **Đỗ Văn C** là bố đẻ của **D** đã bồi thường cho công ty TNHH N1 số tiền 134.746.000 đồng, đại diện công ty đã nhận đủ và không có yêu cầu hoặc đề nghị gì. Nay giữa bị cáo **D**, bị hại, ông **C** không có tranh chấp gì nên không đặt ra xem xét.

[6] Áp dụng điểm a điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Đối với chiếc xe mô tô biển số 98B3-256.99 của bị cáo **Đỗ Văn D** dùng vào việc phạm tội. **D** khai đã bán chiếc xe này cho người không quen biết được số tiền 45.000.000 đồng nên không thu hồi được chiếc xe mô tô biển số 98B3-256.99 để xử lý. Nên cần buộc bị cáo **Đỗ Văn D** nộp lại số tiền bán chiếc xe mô tô biển số 98B3-256.99 (mà bị cáo dùng phạm tội) này để sung quỹ Nhà nước và bị cáo **D** đồng ý nộp lại số tiền này.

[7] Trong vụ án này, đối với người đàn ông mua linh kiện của **D** ngày 09/10/2023, **D** khai không biết tên tuổi địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với người phụ nữ đã mua linh kiện của **D** ngày 30/10/2023, Cơ quan điều tra xác định người chuyển tiền vào tài khoản của **Vũ Văn M** là chị **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1992, trú tại **thôn T, xã X, huyện S, thành phố Hà Nội**. Chị **T2** khai chị được một người phụ nữ không quen biết đưa cho tiền mặt và nhờ chuyển số tiền 30.000.000 đồng vào tài khoản của **Vũ Văn M** vào ngày 30/10/2023, chị **T2** không quen biết người phụ nữ này; kết quả nhận dạng, **D** khẳng định chị **T2** không phải người đã mua linh kiện của **D** vào ngày 30/10/2023, do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý người phụ nữ đã mua linh kiện của **D**.

Bị cáo **Đỗ Văn D** phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Điểm c khoản 2 khoản 5 Điều 173, điểm b điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 01 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Văn D** 18 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/11/2023 đến ngày 31/01/2024. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo **Đỗ Văn D** 5.000.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4. Áp dụng điểm a điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Buộc bị cáo **Đỗ Văn D** nộp lại số tiền 45.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

5. Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo **Đỗ Văn D** phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Công an huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hs, Vp.

Nguyễn Ánh Dương